

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LẤP VÒ
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 06- 4- 2018

V/v ly hôn, tranh chấp

về nuôi con khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẤP VÒ, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Chung Thị Thu Nguyệt.

2. Ông Nguyễn Vạn Thế.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Hồng Pha - Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 06 tháng 4 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 19/2018/TLST- HNGĐ ngày 23 tháng 01 năm 2018 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 3 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 09/2018/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 3 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Hồ Thị Mai E, sinh năm 1978; có mặt.

Hộ khẩu thường trú: Số 226 ấp HH, xã TKT, huyện LV, tỉnh Đồng Tháp.

Tạm trú: Số 117 ấp TT, xã TM, huyện LV, tỉnh Đồng Tháp.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Việt T, sinh năm 1979; vắng mặt.

Địa chỉ: Số 226 ấp HH, xã TKT, huyện LV, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 11 tháng 01 năm 2018 và trong quá trình xét xử, chị Hồ Thị Mai E trình bày là chị Mai E và anh Nguyễn Việt T chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 1998, đến ngày 30/8/2001 thì đăng ký kết hôn tại UBND xã TKT, huyện LV, tỉnh Đồng Tháp theo giấy chứng nhận kết hôn số 61. Thời gian chung sống vợ chồng chị Mai E và anh T sống hạnh phúc khoảng 07 năm thì xảy ra mâu thuẫn giữa vợ chồng, nguyên nhân là do những lần anh T uống rượu về thì chửi và đánh chị Mai E, nhưng vợ chồng vẫn sống chung. Đến tháng 11(âm lịch) năm 2017,

sau khi anh T uống rượu về đến nhà thì chửi, dùng tay đánh vào người chị Mai E làm chị Mai E chấn thương phần mềm và đuổi chị Mai E ra khỏi nhà, vì vậy chị Mai E đã về nhà cha mẹ ruột ở xã TM, huyện LV sinh sống đến nay. Từ ngày xa nhau đến nay, anh T không liên lạc với chị Mai E để đoàn tụ gia đình mà còn có hành vi ngược đãi chị Mai E cụ thể là luôn tìm chị Mai E để đánh. Nhận thấy không còn tình cảm với anh T nên:

Về hôn nhân: Chị Mai E yêu cầu được ly hôn anh T. Chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu của chị Mai E về việc anh T nhiều lần đánh chị Mai E gây thương tích có mẹ chồng, chị chồng và con trai của chị Mai E và anh T là Nguyễn Việt T1 cùng với hàng xóm đều biết, nhưng chị Mai E không yêu cầu mẹ chồng, chị chồng, Nguyễn Việt T1, hàng xóm đến Tòa án làm chứng. Chị Mai E chỉ cần Việt T1 đến Tòa án cung cấp lời khai có chứng kiến anh T nhiều lần đánh chị Mai E để Tòa án xem xét trong quá trình giải quyết vụ án.

Về nuôi con chung: Chị Mai E trình bày là thời gian chung sống vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Việt T1, sinh ngày 13/12/1999 và Nguyễn Việt T2, sinh ngày 19/3/2012. Khi vợ chồng xa nhau tuy Việt T2 sống chung nhà với anh T, nhưng chị Mai E lại là người chăm sóc, nuôi dưỡng con vì anh T không có nghề nghiệp, không lo làm để có thu nhập mà thường uống rượu nên từ ngày vợ chồng xa nhau đến nay, chị Mai E phải gửi tiền về cho Nguyễn Việt T1 lo sinh hoạt trong gia đình chồng gồm có mẹ chồng chị Mai E, anh T và hai con chung của chị Mai E với anh T. Nghề nghiệp của chị E hiện nay là làm ruộng, vườn (phụ giúp cha mẹ ruột) nhưng đủ điều kiện để nuôi con. Tại phiên tòa chị Mai E cho rằng khoảng một tuần nay T2 đã về sống chung với chị Mai E và hiện chị Mai E đang nuôi dưỡng T2. Do T1 đã đủ 18 tuổi nên chị Mai E không yêu cầu Tòa án giải quyết, đối với T2 thì khi ly hôn chị Mai E yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chị Mai E không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản: Chị Mai E và anh T không có tài sản chung.

Về nợ: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Việc chị Hồ Thị Mai E khởi kiện yêu cầu ly hôn anh Nguyễn Việt T là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, quy định tại Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Quan hệ pháp luật tranh chấp giữa chị Mai E và anh T thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân cấp huyện, quy định tại Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự. Do anh T có địa chỉ cư trú tại số 226 ấp HH, xã TKT, huyện LV, tỉnh Đồng Tháp nên Tòa án nhân dân huyện LV, tỉnh Đồng Tháp thụ lý và giải quyết vụ án dân sự trên là đúng quy định tại Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với anh T, Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai, nhưng anh T vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm không lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh T là

phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân;

Theo quy định của pháp luật hôn nhân và gia đình thì quan hệ hôn nhân và gia đình được xác lập, thực hiện theo quy định của Luật này được tôn trọng và được pháp luật bảo vệ. Do vậy việc chị Hồ Thị Mai E và anh Nguyễn Việt T đăng ký kết hôn vào ngày 30/8/2001 theo giấy chứng nhận kết hôn số 61 của Ủy ban nhân dân xã TKT, huyện LV, tỉnh Đồng Tháp đã tuân thủ quy định tại khoản 1 Điều 8 và khoản 1 Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình, nên được pháp luật công nhận là vợ chồng.

Sau khi kết hôn, vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình; vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau. Tuy nhiên sau khi kết hôn, từ việc tính tình vợ chồng không hợp nhau, anh T không cùng chị Mai E chia sẻ công việc gia đình, mà anh còn có hành vi ngược đãi chị Mai E. Hành động và việc làm của anh T vi phạm tình nghĩa vợ chồng quy định tại Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình, làm cho hôn nhân giữa chị Mai E và anh T lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, từ đó dẫn đến mâu thuẫn giữa vợ chồng và xa nhau từ tháng 11(âm lịch) năm 2017 đến nay. Trong quá trình giải quyết cũng như tại phiên tòa, chị Mai E không đồng ý đoàn tụ gia đình mà yêu cầu được ly hôn anh T.

Đối với anh T, Tòa án đã tổng đạt đầy đủ văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng anh T vắng mặt. Anh T biết được việc chị Mai E yêu cầu ly hôn anh T với những lý do trên nhưng không gửi văn bản cho biết ý kiến, cũng không có mặt tại Tòa án để giải quyết vụ án, xem như anh T thống nhất với yêu cầu của chị Mai E.

Từ những căn cứ trên xét yêu cầu ly hôn của chị Mai E phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, nên được Tòa án chấp nhận và quyết định cho ly hôn giữa chị Hồ Thị Mai E và anh Nguyễn Việt T.

[3] Về nuôi con chung;

Xét thấy Nguyễn Việt T1, sinh ngày 13/12/1999 và Nguyễn Việt T2, sinh ngày 19/3/2012 đúng là con chung của chị Mai E và anh Thành, được chị Mai E thừa nhận và có giấy khai sinh của Nguyễn Việt T1, Nguyễn Việt T2 để chứng minh.

Do Nguyễn Việt T1 đã thành niên (đủ 18 tuổi) và có việc làm tương đối ổn định nên chị Mai E không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với Nguyễn Việt T2, thời gian chị Mai E và anh T xa nhau, tuy cháu T2 sống chung nhà với anh T nhưng người chăm sóc cháu T2 là chị Mai E và chị Mai E chăm sóc con chung chu đáo, cháu T2 lại là con gái nên điều kiện trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của chị Mai E thuận tiện hơn anh T, hiện cháu T2 đang do chị Mai E nuôi dưỡng. Vì vậy, xét yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Việt T2 của chị Mai E là có căn cứ, phù hợp Điều 81, 82 của Luật hôn nhân và gia đình, nên được Tòa án chấp nhận và quyết định giao con chung Nguyễn Việt T2, sinh ngày 19/3/2012 cho chị Hồ Thị Mai E trực tiếp nuôi dưỡng.

Khi ly hôn chị Mai E thống nhất cùng gia đình không cản trở anh T trong việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Xét thấy sự tự nguyện này là phù hợp Điều 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình, nên được Tòa án chấp nhận.

Do chị Mai E không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con, nên Tòa án không xem xét.

[4] Về chia tài sản: Không có.

[5] Về nợ chung: Không có.

[6] Về án phí: Chị Mai E phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, 35, 39, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 8, khoản 1 Điều 9, Điều 19, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Về hôn nhân:

Cho ly hôn giữa chị Hồ Thị Mai E và anh Nguyễn Việt T.

2. Về nuôi con chung:

2.1. Do con chung Nguyễn Việt T1, sinh ngày 13/12/1999 đã thành niên (đủ 18 tuổi) và có việc làm tương đối ổn định nên chị Mai E không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.2. Giao con chung Nguyễn Việt T2, sinh ngày 19/3/2012 cho chị Hồ Thị Mai E trực tiếp nuôi dưỡng (con chung đang do chị Mai E nuôi dưỡng).

2.3. Chị Mai E không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

2.4. Khi ly hôn chị Mai E cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về chia tài sản: Không có.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Về án phí: Chị Mai E phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn; nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0001320 ngày 23 tháng 01 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp. Chị Mai E đã nộp đủ án phí.

6. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa, thời hạn kháng cáo được tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

7. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị

cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh;
- VKSND Huyện;
- CCTHADS Huyện;
- UBND xã TKT;
- Các đ/s;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Thị Thúy Hằng